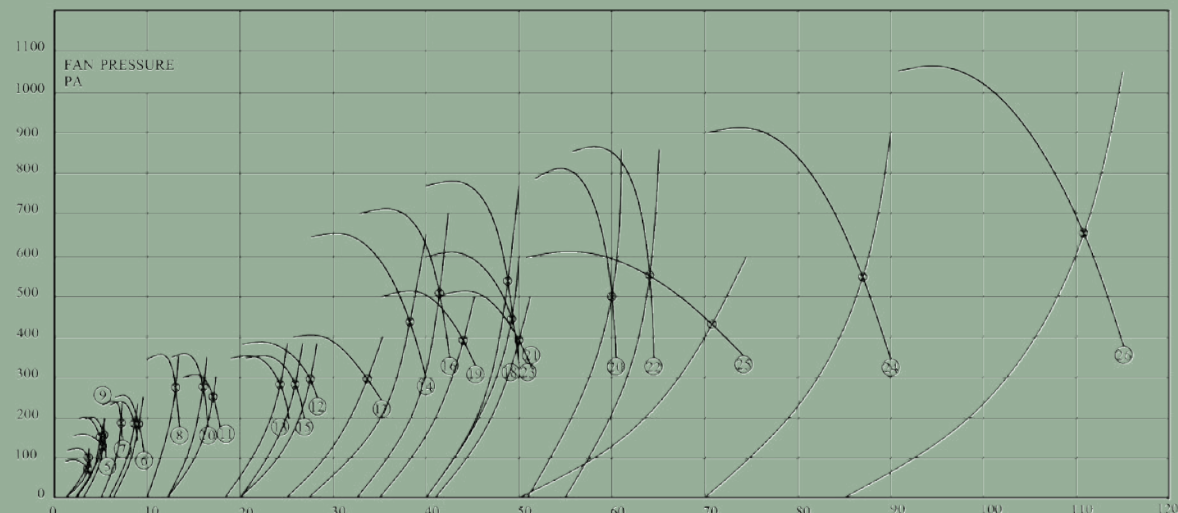
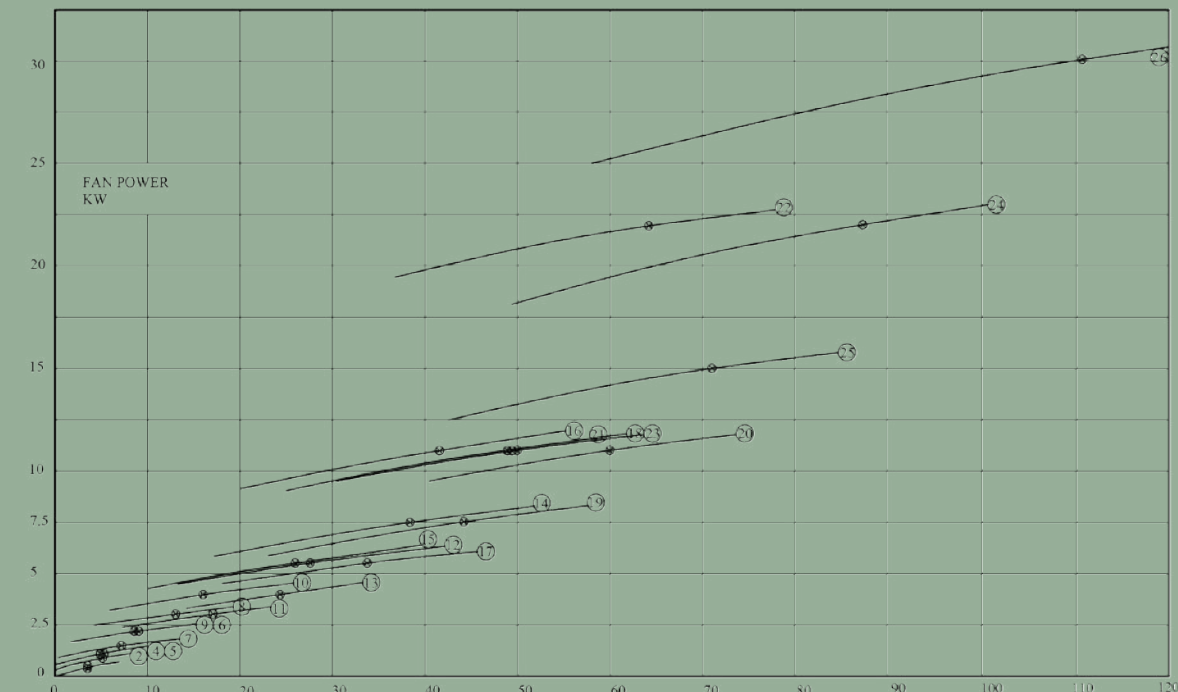




Volume Flow M3/h x 1000

* Liên hệ tới System Fan để nhận đường đặc tính cụ thể cho từng mã quạt System Fan.

ĐƯỜNG ĐẶC TÍNH

SỬ DỤNG

- Sử dụng tăng áp, hút khói cho buồng thang, hành lang, tầng hầm tòa nhà.
- Dùng cho các ngành công nghiệp: chế biến thực phẩm, thép, luyện kim, khoáng sản...

ĐẶC ĐIỂM SẢN PHẨM

- ✦ Truyền động trực tiếp, động cơ liền cánh.
- ✦ Cánh quạt có thể điều chỉnh góc nghiêng để tăng giảm lưu lượng, áp suất (thiết kế cánh quạt này có thể thay đổi tùy theo model quạt).
- ✦ Lưu lượng lớn, áp suất thấp, hiệu suất cao, tiết kiệm điện năng, độ ồn thấp.
- ✦ Quạt có thể lắp các loại động cơ thông thường hoặc chống cháy, chịu nhiệt từ 250°C đến 300°C trong 2 giờ của POWER, ENERTECH, TOÀN PHÁT, ABB, SIEMENS,...
- ✦ Vật liệu chế tạo: Cánh quạt và moayơ được chế tạo bằng hợp kim nhôm, thân quạt bằng thép hoặc Inox.

BẢNG ĐỘ ỒN

MODEL	3	4			5		6		7		8		9				10			11	12		13	14
	0,37	0,37	0,55	0,75	1,1	1,5	2,2	3	3	4	5,5	7,5	11	15	18,5	22	15	18,5	22	22	30	37	37	45
Inlet SPL dBA (Near Field)	75	75	77	78	79	80	80	82	83	86	85	86	86	87	87	88	87	87	88	88	89	90	90	91
Outlet SPL dBA (Near Field)	76	76	78	79	80	81	81	84	84	87	86	87	87	88	88	89	88	88	89	90	90	91	91	92
Cassing SPL dBA (3m)	65	70	75	75	76	78	78	79	78	79	80	81	80	81	82	83	82	83	85	85	86	87	89	90

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

STT	MODEL	Công suất	Tốc độ	Điện áp	Lưu lượng	Áp suất	Trọng lượng
		(kW)	(Pole)	(V)	(m³/h)	(Pa)	(kg)
1	SAD-C3	0,37	4P	380	1000-2000	80-140	18
2	SAD-C4	0,37	4P	380	2000-3000	100-180	30
		0,55	4P	380	2500-3800	150-250	32
		0,75	4P	380	3200-4500	200-250	32
3	SAD-C5	1,1	4P	380	5000-8000	150-250	44
		1,5	4P	380	6800-9000	200-350	48
4	SAD-C6	2,2	4P	380	9000-15000	150-350	70
		3	4P	380	12000-19500	200-450	77
5	SAD-C7	3	4P	380	19000-27000	250-450	83
		4	4P	380	25000-32000	250-550	94
6	SAD-C8	5,5	4P	380	32000-40000	300-600	136
		7,5	4P	380	35000-45000	350-650	145
7	SAD-C9	11	4P	380	42000-50000	300-680	205
		15	4P	380	48000-55000	350-710	235
		18,5	4P	380	50000-60000	400-850	255
		22	4P	380	60000-78000	400-1000	278
8	SAD-C10	15	4P	380	52000-65000	350-750	279
		18,5	4P	380	65000-80000	350-780	298
		22	4P	380	70000-90000	400-1050	321
		30	4P	380	85000-100000	400-1100	356
9	SAD-C11	22	4P	380	85000-110000	300-920	327
		30	4P	380	115000-130000	300-1200	402
10	SAD-C12	30	4P	380	110000-130000	320-1100	438
		37	4P	380	130000-145000	350-1200	486
11	SAD-C13	37	4P	380	145000-170000	450-1200	564
12	SAD-C14	45	4P	380	150000-180000	550-1250	680

(*) Sử dụng vật liệu sử dụng hợp kim nhôm 18 lá cánh

KÍCH THƯỚC

*Bản vẽ có thể đã được cải tiến, Liên hệ System Fan để lấy bản vẽ và kích thước chính xác nhất

Model	D	D1	L
SAD-C3	300	350	320
SAD-C4	400	450	380
SAD-C5	500	570	440
SAD-C6	600	670	480
SAD-C7	700	770	540
SAD-C8	800	880	600
SAD-C9 (công suất: 11-15kw)	900	1000	720
SAD-C9 (công suất: 18,5-22kw)	900	1000	810
SAD-C10 (công suất: 15-18,5-22kw)	1000	1100	800
SAD-C10 (công suất: 30kw)	1000	1100	860
SAD-C11 (công suất: 22kw)	1100	1200	820
SAD-C11 (công suất: 30kw)	1100	1200	860
SAD-C12 (công suất: 30kw)	1200	1300	860
SAD-C12 (công suất: 37kw)	1200	1300	920
SAD-C13	1300	1400	920
SAD-C14	1400	1500	1000

